

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **154/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 15/8/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và bà Lộc Thị Kim Thơm.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/7/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Hên T**, sinh năm 1990

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Tr, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Hên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh H tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Huyện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh H sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có 02 con chung, là cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018, hiện nay các cháu đang ở với anh H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu Trung và cháu Uyên vì hiện nay chị chưa có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị xác định, chị và anh H không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/6/2022 bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Phạm Hèn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, Hện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Hện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị Tr sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Tr, đề nghị Tòa án nhân dân Hện Yên Sơn giải quyết cho anh và chị Phạm Hèn T được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Hèn T có 02 con chung, là cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018, hiện nay các cháu đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu Trung và cháu Uyên và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh xác định, anh và chị Tr không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu theo đúng quy định, nhưng anh H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt anh. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không có mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải mà ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Hèn T và anh Trần Văn H là vợ chồng hợp pháp, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn được tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, Hện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Tr, anh H sống chung cùng gia đình nhà anh H tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Hện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất

đồng quan điểm, lối sống. Chị Tr và anh H sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện vợ chồng chị Tr, anh H không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị Tr, anh H có 02 con chung, là cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018, hiện nay các cháu đang ở với anh H. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh H không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ. Về hộ khẩu thường trú, hiện chị Tr và anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Về thu nhập bình quân của chị Tr, anh H địa phương không nắm được.

Chị Tr và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Hên T được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung, giao cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị Tr và anh H đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Hên T và anh Trần Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên chị Tr khởi kiện xin ly hôn với anh H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Yên Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu theo đúng quy định, nhưng anh H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và

giải quyết xét xử vắng mặt, chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Hèn Tr và anh Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hèn T và anh Trần Văn H là vợ chồng hợp pháp, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn được tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, Hện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Tr, anh H sống chung cùng gia đình nhà anh H tại thôn Lũng, xã Mỹ Bằng, Hện Yên Sơn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị Tr và anh H sống ly thân từ năm 2020 đến nay nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr đề nghị ly hôn anh H nhất trí. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh H thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, xử cho chị Tr được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Tr, anh H có 02 con chung, là cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018, hiện nay các cháu đang ở với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr yêu cầu anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trung và cháu Uyên vì chị chưa có điều kiện để nuôi con chung. Anh H có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trung và cháu Uyên và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh H đều xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Hèn T phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Hèn T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Bảo Trung, sinh ngày 19/3/2013 và cháu Trần Nhã Uyên, sinh ngày 09/7/2018 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Hèn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Hèn T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004107, ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Hèn T và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Hện Yên Sơn;
- Chi cục THADS Hện Yên Sơn;
- UBND xã Đồng Lạc (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Ngọc - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Hện Sơn Dương;
- THADS Hện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thủy